

Bản án số: 118 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2024
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Riều; ông Bành Quốc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Bảo Vy, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 132/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh H, sinh năm 1979; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Hữu H1, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, Phường E, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị Minh H trình bày: chị và anh Huỳnh Hữu H1 quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, Tiền Giang vào năm 2006. Vợ chồng sống hạnh phúc từ tháng 6 năm 2005 đến năm 2017 thì chị cùng con đi làm ở quận T, đến khi hết mùa dịch covid, chị dẫn con về quê chung sống cùng anh H1, trong khoảng thời gian này cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Sau đó vợ chồng chị có hòa giải, nhưng mâu thuẫn không hóa giải được ngày càng trầm trọng, nên hai vợ chồng chị sống ly thân. Sau khi ly thân một thời gian thấy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Hữu H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Trần Như H2, sinh ngày 10/01/2008, Huỳnh Trần Như H3, sinh ngày 14/12/2014, hiện nay chị H đang chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi hai con không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh **Huỳnh Hữu H1** không đến để trình bày ý kiến về việc xin ly hôn và nuôi con chung, cũng như tài sản chung. Mặc dù anh **H1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa:

- Chị **Trần Thị Minh H** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Anh **Huỳnh Hữu H1** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, thông báo thu thập tài liệu chứng cứ, triệu tập mời hòa giải, dự phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh **H1** vẫn vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Đương sự **H** đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Riêng đương sự **H1** đã từ bỏ quyền tố tụng và không chấp hành nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị **H** được ly hôn với anh **H1**; Về con chung hai cháu **Huỳnh Trần Như H2**, sinh ngày 10/01/2008, **Huỳnh Trần Như H3**, sinh ngày 14/12/2014 hiện đang do chị **H** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, theo yêu cầu của chị **H** mong muốn trực tiếp tiếp tục nuôi hai con và cũng đáp ứng theo nguyện vọng của cháu vẫn mong muốn được chị **H** tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị **H** làm công nhân thu nhập có thu nhập 13 triệu đồng/ tháng có điều kiện nuôi con. Mặt khác anh **H1** không có ý kiến tranh chấp nuôi con căn cứ theo Điều 81, 82, 83 đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị **H**.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị **H** trình bày không có, nếu sau vụ án này, anh **H1** chứng minh được có tài sản chung và nợ chung với anh **H1** sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí sơ thẩm thì chị **H** chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị **Trần Thị Minh H** khởi kiện xin ly hôn anh **Huỳnh Hữu H1** có nơi cư trú **Khu phố A, Phường E, thành phố G, tỉnh Tiền Giang**, nên Tòa án nhân dân thành phố Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh **Huỳnh Hữu H1** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, anh **H1** có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, chị **Trần Thị Minh H** và anh **Huỳnh Hữu H1** tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị H và anh H1 sau khi sống chung một thời gian, chị H đi làm trên thành phố, vợ chồng không sống chung nên mâu thuẫn phát sinh. Do vợ chồng không tin tưởng nhau, khi chị H trở về quê thì tình cảm vợ chồng phai nhạt, mặc dù cả hai có hòa giải để hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và đã ly thân. Chị H xin ly hôn anh H1 nhận được thông báo thụ lý, 02 lần thông báo hòa giải, nhưng anh không có ý kiến phản hồi và mong muốn tòa hòa giải để vợ chồng anh trở lại đoàn tụ. Điều này chứng minh rằng anh không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này và không còn tha thiết cùng chung sống với chị H, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1] Về con chung: Vợ chồng chị, có hai con chung, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi hai con. Xét điều kiện nuôi con của chị H làm công nhân có thu nhập có điều kiện nuôi con, đồng thời chị H cũng không có yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi hai con. Anh H1 cũng không có ý kiến về việc nuôi con chung và cũng đáp ứng nguyện vọng của cháu Nguyễn Hoàng Thiên P mong muốn chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, nên giao con cho Chị H tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với Điều 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về tài sản chung: chị H xác định không có, anh H1 không phản hồi ý kiến tranh chấp chia tài sản chung với anh H1 trong vụ án này. Nếu sau này anh H1 có yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.3] Về nợ chung: chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị H và anh H1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị Minh H chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh H.

- Về hôn nhân: Chị **Trần Thị Minh H** được ly hôn với anh **Huỳnh Hữu H1**.

Về con chung: Chị **Trần Thị Minh H** được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung tên **Huỳnh Trần Như H2**, sinh ngày 10/01/2008, **Huỳnh Trần Như H3**, sinh ngày 14/12/2014 chị **H** không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng hai nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

*Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu xét thấy cần thiết chị **H** và anh **H1** có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng.*

Về án phí sơ thẩm: chị **Trần Thị Minh H** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0000697 ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công. Như vậy, chị **H** đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Án Tuyên kết thúc cùng ngày.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công;
- UBND xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. án văn.09.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị An Thư

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Riều Bành Quốc T

Trần Thị An Tl

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công;
- UBND xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. án văn.09.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị An Thư